

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6916/SGDDĐT-TCCB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

V/v triển khai, hướng dẫn thực
hiện Nghị định số 29/2023/NĐ-
CP ngày 03 tháng 6 năm 2023
của Chính phủ quy định về tinh
giảm biên chế

Kính gửi:- Trưởng phòng các phòng thuộc Sở;
- Hiệu trưởng (Giám đốc) các đơn vị sự nghiệp công lập
trực thuộc Sở.

Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế, có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2023; các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 1482/KH-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện tinh giản biên chế công chức hành chính và giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2023 - 2026 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện Công văn số 3547/UBND-VX ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai, hướng dẫn các phòng thuộc Sở và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở thực hiện tinh giản biên chế theo các quy định vừa nêu trên như sau:

1. Nguyên tắc tinh giản biên chế

Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong quá trình thực hiện tinh giản biên chế.

Gắn tinh giản biên chế với sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức theo vị trí việc làm, phù hợp với cơ chế tự chủ của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch và theo quy định của pháp luật.

Bảo đảm chi trả chế độ, chính sách tinh giản biên chế kịp thời, đầy đủ theo quy định của pháp luật, bảo đảm sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước.

Người đứng đầu phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tinh giản biên chế trong cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý theo thẩm quyền.

Đối tượng tinh giản biên chế nếu được bầu cử, tuyển dụng lại vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian 60 tháng kể từ ngày thực hiện tinh giản biên chế thì phải hoàn trả lại số tiền trợ cấp đã nhận cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đã chi trả trợ cấp.

2. Đối tượng thực hiện chính sách tinh giản biên chế:

2.1. Công chức, viên chức và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn được áp dụng chế độ, chính sách như công chức theo quy định của Chính phủ, nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc dôi dư do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện cơ chế tự chủ;

b) Dôi dư do cơ cấu lại công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác hoặc bố trí được việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

c) Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc được cơ quan bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

d) Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế viên chức có 01 năm xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp; trong năm trước liền kề hoặc trong năm thực hiện xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ trở xuống nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

đ) Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế mà trong từng năm đều có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định hiện hành của pháp luật; trong năm trước liền kề hoặc trong năm thực hiện xét tinh giản biên chế có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định hiện hành của pháp luật, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

Lưu ý: khoản 1 Điều 26 Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2014 nêu: “1. Thời gian tối đa hưởng chế độ ốm đau trong một năm đối với người lao động tính theo ngày làm việc không kể ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần và được quy định như sau: a) Làm việc trong điều kiện bình thường thì được hưởng 30 ngày nếu đã đóng bảo hiểm xã hội dưới 15 năm; 40 ngày nếu đã đóng từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm; 60 ngày nếu đã đóng từ đủ 30 năm trở lên; b) Làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế ban hành hoặc làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số từ 0,7 trở lên thì được

hưởng 40 ngày nếu đã đóng bảo hiểm xã hội dưới 15 năm; 50 ngày nếu đã đóng từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm; 70 ngày nếu đã đóng từ đủ 30 năm trở lên”.

e) Công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thôi giữ chức vụ, chức danh do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính theo quyết định của cấp có thẩm quyền, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

g) Công chức, viên chức đang trong thời gian bị kỷ luật nhưng chưa đến mức bị buộc thôi việc theo quy định của pháp luật tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

2.2. Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn thực hiện các công việc chuyên môn nghiệp vụ thuộc danh mục vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Chính phủ do dự do sắp xếp lại tổ chức hoặc cơ cấu lại nhân lực của đơn vị theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Đối tượng chưa thực hiện chính sách tinh giản biên chế

Những người đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp cá nhân tự nguyện tinh giản biên chế.

Những người đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm.

4. Các chính sách tinh giản biên chế

Nghị định số 29/2023/NĐ-CP quy định các chính sách tinh giản biên chế liên quan đến công chức, viên chức và người lao động của ngành giáo dục như sau:

a) Chính sách nghỉ hưu trước tuổi: được quy định tại Điều 5 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP.

b) Chính sách chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách nhà nước: được quy định tại Điều 6 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP.

c) Chính sách thôi việc: được quy định tại Điều 7 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP.

5. Cách xác định thời gian và tiền lương để tính hưởng trợ cấp tinh giản biên chế

Được quy định tại Điều 10 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP.

6. Nguồn kinh phí thực hiện tinh giản biên chế

Được quy định tại Điều 11 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP

7. Quy định chuyển tiếp từ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP¹ được sửa đổi,

¹ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP¹ ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

bổ sung bởi Nghị định số 113/2018/NĐ-CP² và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP³

Các trường hợp có thời điểm tinh giản biên chế sau khi Nghị định số 29/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành nhưng đã được cấp có thẩm quyền quyết định cho tinh giản biên chế trước ngày Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ban hành thì không đặt vấn đề xem xét lại chế độ, chính sách theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP.

Chính sách đối với những người thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc được bổ nhiệm, bầu cử vào chức vụ khác có phụ cấp chức vụ lãnh đạo mới thấp hơn do sắp xếp tổ chức quy định tại Điều 11 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP “...*công chức, viên chức do sắp xếp tổ chức thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc được bổ nhiệm, bầu cử vào chức vụ mới có phụ cấp chức vụ lãnh đạo thấp hơn so với phụ cấp chức vụ lãnh đạo đang hưởng thì được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo đang hưởng đến hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm hoặc hết nhiệm kỳ bầu cử. Trường hợp đã giữ chức vụ theo thời hạn được bổ nhiệm hoặc nhiệm kỳ bầu cử còn dưới 06 tháng thì được bảo lưu 06 tháng*” thì tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi có quy định mới của Chính phủ.

8. Yêu cầu, trách nhiệm của Trưởng phòng các phòng thuộc Sở

8.1. Yêu cầu

Phần đầu giai đoạn 2023 - 2026 giảm ít nhất 5% biên chế công chức hành chính so với năm 2023.

8.2. Trách nhiệm

Nghiêm túc triển khai, tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố và Kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo về chính sách tinh giản biên chế.

Thực hiện quản lý biên chế công chức được phân bổ chặt chẽ và có hiệu quả.

9. Yêu cầu, trách nhiệm và nhiệm vụ của các Hiệu trưởng (Giám đốc) đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở

9.1. Yêu cầu

Phần đầu giai đoạn 2023 - 2026 giảm ít nhất 10% biên chế số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2023.

9.2. Trách nhiệm

a) Nghiêm túc triển khai công văn này đến đội ngũ viên chức và người lao động của đơn vị.

b) Thực hiện quản lý số lượng người làm việc chặt chẽ và có hiệu quả.

c) Chịu trách nhiệm khi giải quyết tinh giản biên chế không đúng quy định như sau:

² Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

³ Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế

- Thông báo cho cơ quan bảo hiểm xã hội và các cơ quan có liên quan (nếu có) dừng thanh toán chế độ bảo hiểm xã hội và các chế độ khác cho đối tượng tinh giản biên chế không đúng quy định; chuyển cho cơ quan bảo hiểm xã hội số kinh phí đã chi trả cho người thực hiện tinh giản biên chế trong thời gian hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế);

- Chịu trách nhiệm thu hồi tiền hưởng chính sách tinh giản biên chế đã cấp cho đối tượng đó;

- Chi trả cho người đã thực hiện tinh giản biên chế số tiền chênh lệch giữa tiền lương và các chế độ khác theo quy định của pháp luật với chế độ bảo hiểm xã hội đã được hưởng;

- Xem xét xử lý trách nhiệm các cá nhân có liên quan; đồng thời chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về việc thực hiện không đúng quy định về tinh giản biên chế.

9.3. Nhiệm vụ

a) Xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2023 – 2026 của đơn vị theo mẫu đính kèm công văn này.

b) Xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế hàng năm kèm danh sách đối tượng tinh giản biên chế (*mẫu đính kèm*) và dự toán số tiền trợ cấp cho từng đối tượng tinh giản biên chế của đơn vị (*mẫu đính kèm*) vào tháng 1 của năm đó. Riêng năm 2023, xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế kể từ thời điểm triển khai công văn này đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

c) Gửi kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2023 – 2026 nêu tại điểm a và kế hoạch tinh giản biên chế năm 2023 nêu tại điểm b khoản 9.3 Mục 9 công văn này về Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức cán bộ) trước thứ Sáu, ngày 08 tháng 12 năm 2023. Từ năm 2024 đến năm 2026, gửi kế hoạch tinh giản biên chế hàng năm về Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức cán bộ) trước ngày 30 tháng 01 của năm đó.

d) Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối tượng tinh giản biên chế bằng quyết định thì thực hiện giải quyết tinh giản biên chế và chi trả chính sách cho từng đối tượng được tinh giản biên chế đó.

đ) Định kỳ 02 lần/năm (kỳ 01: trước ngày 20 tháng 5 hằng năm; kỳ 02: trước ngày 05 tháng 12 hằng năm) báo cáo kết quả thực hiện tinh giản biên chế, bao gồm danh sách đối tượng tinh giản biên chế theo quy định.

Trên đây là nội dung Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai, hướng dẫn thực hiện các quy định có liên quan đến tinh giản biên chế, đề nghị Trưởng phòng các phòng thuộc Sở và Hiệu trưởng (Giám đốc) các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở khẩn trương thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCCB (VC).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Hoài Nam

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH

Về triển khai thực hiện tình giảm biên chế giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2023 - 2026

Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về tình giảm biên chế;

Căn cứ Kế hoạch số 1482/KH-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện tình giảm biên chế công chức hành chính và giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2023 - 2026 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số/SGDDĐT-TCCB ngày ... tháng ... năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về tình giảm biên chế;

Trường ban hành Kế hoạch về triển khai thực hiện tình giảm biên chế giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2023 - 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Triển khai rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, tình giảm biên chế và cơ cấu lại đội ngũ viên chức; nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2023 - 2026 theo Kết luận số 28-KL/TW, Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội trong quá trình thực hiện tình giảm biên chế; tiến hành trên cơ sở rà soát, sắp xếp lại tổ chức và thực hiện xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; đảm bảo nguyên tắc tập trung, dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, kịp thời, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

3. Phân đầu giai đoạn 2023 - 2026, giảm ít nhất 10% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

4. Thực hiện tốt công tác tư tưởng đối với các đối tượng chịu tác động trực tiếp từ việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tình giảm biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, kịp thời giải quyết chế độ, chính sách, đảm bảo theo quy định.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện tình giảm biên chế nhằm đảm bảo thực hiện đúng, đủ chỉ tiêu đã đưa ra và phù hợp với tình hình nhu cầu thực tiễn trong từng cơ quan, đơn vị.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về tinh giản biên chế

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể viên chức người lao động các văn bản liên quan đến chính sách tinh giản biên chế:

1.1. Văn bản của Đảng về quản lý biên chế và tinh giản biên chế

Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa xn về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026;

Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị.

1.2.1.2. Văn bản của Chính phủ, các cơ quan Trung ương về quản lý biên chế và tinh giản biên chế

Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026 và Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị.

2. Quản lý biên chế và cơ cấu lại đội ngũ viên chức gắn liền với sắp xếp tổ chức bộ máy, đẩy mạnh cơ chế tự chủ

2.1. Tăng cường quản lý biên chế chặt chẽ và hiệu quả; tiếp tục triển khai thực hiện việc tinh giản biên chế có trọng tâm, trọng điểm, không cào bằng và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, cơ quan, đơn vị; gắn tinh giản biên chế với đổi mới tổ chức bộ máy, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, thu hút người có đức, có tài vào làm việc trong bộ máy nhà nước.

a) Xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2023 - 2026 gửi Sở Giáo dục và

Đào tạo; trong đó, nêu rõ kế hoạch tinh giản biên chế theo từng năm và đến năm 2026 tinh giản ít nhất 10% biên chế số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2023.

b) Kết quả thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ viên chức là một trong những tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm của tập thể, cá nhân người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

2.2. Tiếp tục thực hiện việc rà soát, kiện toàn sắp xếp tổ chức bộ máy đơn vị sự nghiệp đảm bảo hoạt động có hiệu quả.

Thực hiện rà soát, sửa đổi bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc, trong đó quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm của tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện việc tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức.

2.3. Đẩy mạnh tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa trong việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

a) Tiếp tục thực hiện xã hội hóa, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn để đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công.

b) Tiếp tục xây dựng Đề án tự chủ nhằm đẩy mạnh mức độ tự chủ, giảm dần số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước nhưng vẫn đảm bảo tính hiệu quả của đơn vị.

3. Về việc xây dựng vị trí việc làm, cơ cấu lại đội ngũ viên chức

3.1. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện việc xây dựng trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án vị trí việc làm theo quy định nhằm chuẩn hóa, cơ cấu lại đội ngũ viên chức của đơn vị theo vị trí việc làm.

3.2. Rà soát trình độ đào tạo, năng lực của viên chức thuộc thẩm quyền quản lý để ban hành kế hoạch sắp xếp, bố trí sử dụng phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ chung của đơn vị.

4. Về thực hiện chính sách tinh giản biên chế

4.1. Tiếp tục rà soát các đối tượng, lập danh sách và dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế cho từng đối tượng để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2. Định kì 02 lần/ năm (kỳ 01: trước ngày 20 tháng 5 hằng năm; kỳ 02: trước ngày 05 tháng 12 hằng năm) báo cáo kết quả thực hiện tinh giản biên chế, bao gồm danh sách đối tượng tinh giản biên chế theo quy định.

5. Lộ trình tinh giản biên chế giai đoạn 2023 – 2026

+ Năm 2023: ... người; bao gồm:....

+ Năm 2024: ... người; bao gồm:....

+ Năm 2025: ... người; bao gồm:....

+ Năm 2026: ... người; bao gồm:....

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nghiêm túc triển khai, tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố, Kế hoạch và văn bản hướng dẫn, triển khai của Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.

2. Thực hiện quản lý số lượng người làm việc chặt chẽ và có hiệu quả

3. Xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế hàng năm kèm danh sách đối tượng tinh giản biên chế và dự toán số tiền trợ cấp cho từng đối tượng tinh giản biên chế trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

4. Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối tượng tinh giản biên chế bằng quyết định thì thực hiện giải quyết tinh giản biên chế và chi trả chính sách cho từng đối tượng được tinh giản biên chế đó..

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện tinh giản biên chế giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2023 – 2026 của Trường/... ./.

HIỆU TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
-;
- Lưu: VT,

.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG

BIỂU SỐ 1a
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI ĐỢT ... NĂM
Từ ngày tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trìn h độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởn g	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7			Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	TỔNG CỘNG																									

Ngày tháng năm
HIỆU TRƯỞNG

Ghi chú:

- Cột 14, 15 đề nghị liệt kê thêm hệ số lương và thời điểm hưởng của năm năm cuối trước khi tinh giản

- Cột 16 = Trung bình cộng của 60 tháng tiền lương thực lĩnh trước khi tinh giản.

- Cột 17: tính cả số tháng lẻ

- Cột 21 = cột 22 + cột 23 + cột 24

- Cột 22 = cột 16 x số tháng trợ cấp (tính theo số tháng, năm về hưu trước tuổi)

- Cột 23 = cột 16 x 5 tháng

- Cột 24 = (cột 17-20) x 1/2 x cột 16

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI THÔI VIỆC SAU KHI ĐI HỌC ĐỢT ... NĂM ...

Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

[illegible]

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký tên đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột 16 = (cột 4 + cột 6, 12 (nếu có)) x tiền lương tối thiểu + cột 8, 10 (nếu có)
- Cột 17 = Trung bình cộng của 60 tháng lương tháng thực lĩnh trước khi tính giảm.
- Cột 18: tính cả số tháng lẻ
- Cột 22 = cột 16 x số tháng học nghề
- Cột 14, 15 đề nghị liệt kê thêm hệ số lương và thời điểm hưởng của năm năm cuối trước khi tính giảm

- Cột 23: chi phí cho khóa học nghề
- Cột 24 = cột 16 x 3 tháng - Cột 25 = 1/2 x cột 18 x cột 17
- Cột 21 = cột 22 + cột 23 + cột 24 + cột 25 + cột 26

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG

BIỂU SỐ 2
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP CHUNG DANH SÁCH TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỢT NĂM
Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, do đóng bảo hiểm xã hội (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết tính giản biên chế	Thời điểm tính giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí đề thực hiện chế độ	Lý do tính giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
	TỔNG CỘNG																										

Ngày tháng năm
HIỆU TRƯỞNG

Ghi chú:
- Cột 14, 15 đề nghị liệt kê thêm hệ số lương và thời điểm hưởng của năm năm cuối trước khi tính giản.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ NĂM ...

TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số người được hưởng chính sách tính giảm biên chế năm ...					Kinh phí chi cho tính giảm biên chế năm (1000 đồng)				
		Tổng số	Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang các cơ sở	Thôi việc ngay	Đi học để thôi việc	Tổng cộng	Kinh phí chi cho người về hưu trước tuổi	Kinh phí chi cho những người chuyển sang cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Kinh phí chi cho những người thôi việc ngay	Kinh phí chi cho những người thôi việc sau khi đi học nghề
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG										

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

Ghi chú:
- Cột 1 = Cột 2 + cột 3 + cột 4 + cột 5;
- Cột 6 = cột 7 + cột 8 + cột 9 + cột 10;
- Báo cáo theo định kỳ 31/12 các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ NGHỈ HƯU ĐÚNG TUỔI VÀ THÔI VIỆC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT NĂM

TT	Tên cơ quan, tổ chức	Số người nghỉ hưu đúng tuổi và thôi việc theo quy định của pháp luật		
		Tổng số	Số người nghỉ hưu đúng tuổi	Số người thôi việc theo quy định của pháp luật
	A	1	2	3
	Tổng cộng:			

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

Ghi chú:
- Cột 1 = cột 2 + cột 3.
- Báo cáo theo định kỳ 31/12 các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021.

PHIẾU THẨM ĐỊNH TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ

1

Họ và tên:

2

Ngày, tháng, năm sinh:

3/2/1964

Làm tròn tuổi

4/1/1964

3

Giới tính:

Nam

4

Chức vụ:

Phân loại:

Công chức

5

Đơn vị:

6

Trình độ:

Đại học

Chuyên ngành:

7

Số năm đóng BHXH:

33

năm

2

tháng

Số năm đóng BHXH vượt làm tròn:

13.5

năm

8

Thời điểm TGBC:

10/1/2023

9

Độ tuổi tại thời điểm tính giản biên chế:

59

tuổi

6

tháng

10

Độ tuổi nghỉ hưu theo quy định:

Trong điều kiện

Bình thường

Ngày, tháng, năm nghỉ hưu theo quy định:

61 tuổi 03 tháng

11

Số năm nghỉ hưu trước theo quy định:

1

năm

9

tháng

Số năm NHTT làm tròn:

2

năm

12

Chính sách tính giản biên chế:

Nghỉ hưu trước tuổi:

x

Hưởng trợ cấp:

Không hưởng trợ cấp

Thôi việc ngay:

Không

13

Các trường hợp tính giản biên chế

... Chọn ...

Giải trình lý do TGBC:

Dôi dư

Quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy:

Số QĐ:

Ngày, tháng, năm của QĐ:

Quyết định sắp xếp đơn vị HC:

Số QĐ:

Ngày, tháng, năm của QĐ:

Vị trí việc làm:

Theo quy định:

Số có mặt:

Dư theo quy định:

0

Trình độ

Trình độ theo yêu cầu:

...Chọn ...

Cơ sở pháp lý:

Trình độ hiện nay:

...Chọn ...

Đánh giá

Mức độ đánh giá:

02 năm trước liền kề thời điểm TGBC

Năm 1

... Chọn ...

Năm 2

0

Năm trước liền kề thời điểm TGBC

... Chọn ...

Bệnh

Đang trong thời gian bị kỷ luật với hình thức:

... Chọn ...

Số ngày nghỉ theo quy định của Luật BHXH

ĐK bình thường

40

Nặng nhọc

Không

Số ngày nghỉ 02 năm trước liền kề

Năm 1

ngày

Năm 2

ngày

Số ngày nghỉ năm trước liền kề

ngày

Cá nhân tự nguyện và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý

... Chọn ...

14

Lương hiện hưởng

Hệ số lương

7.64

PC chức vụ (nếu có)

0.8

Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)

PC thâm niên nghề (nếu có)

PC thâm niên vượt khung (nếu có)

Tổng hệ số lương

8.44

Lương cơ sở theo quy định hiện hành

1,800,000

Lương hiện hưởng

15,192,000

đồng

15 Tiền lương hiện hưởng và tiền lương bình quân 60 tháng trước khi tính giản:

TT	Ngày, tháng, năm	Hệ số lương	PC chức vụ (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	PC thâm niên nghề (nếu có)	PC thâm niên vượt khung (nếu có)	Tổng hệ số	Lương cơ sở theo quy định hiện hành	Lương hiện hưởng	Số tháng hưởng	Tổng tiền lương để tính chia bình quân
1	10/1/2018	6.92	0.8				7.72	1,390,000	10,730,800		85,846,400
2	6/1/2019	7.28	0.8				8.08	1,390,000	11,231,200	8	11,231,200
3	7/1/2019	7.28	0.8				8.08	1,490,000	12,039,200	1	421,372,000
4	6/1/2022	7.64	0.8				8.44	1,490,000	12,575,600	35	163,482,800
5	7/1/2023	7.64	0.8				8.44	1,800,000	15,192,000	13	45,576,000
6	10/1/2023	7.64	0.8				8.44	1,800,000	15,192,000	3	-
7	10/1/2023						0	1,800,000	-	-	-
8	10/1/2023						0	1,800,000	-	-	-
9	10/1/2023						0	1,800,000	-	-	
TỔNG CỘNG										60	727,508,400
TIỀN LƯƠNG BÌNH QUÂN											12,125,140

*** Lưu ý mốc thay đổi lương cơ sở theo quy định hiện hành

16a Kinh phí tính giảm biên chế

215,221,235

đồng

*** Đối với đối tượng NHTT

a Trợ cấp 03 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi

72,750,840

đồng

b Trợ cấp 05 tháng tiền lương bình quân cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội bắt buộc

60,625,700

đồng

c Trợ cấp 1/2 tháng tiền lương đối với mỗi năm từ năm 21 trở đi

81,844,695

đồng

16b Kinh phí tính giảm biên chế

đồng

*** Đối với đối tượng NHTT là nữ cán bộ, công chức xã dưới 20 năm đóng BHXH

a Trợ cấp 1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi

36,375,420

đồng

b Trợ cấp 05 tháng tiền lương bình quân

đồng

16c Kinh phí tính giảm biên chế

#VALUE!

đồng

*** Đối với đối tượng TVN

a Trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng

Không

đồng

b Trợ cấp 1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc

Không

đồng

16d Kinh phí tính giảm biên chế

#NUM!

đồng

*** Đối với đối tượng người hoạt động không chuyên trách

Giữ chức danh bầu cử

... Chọn ...

PC hàng tháng hiện hưởng:

đồng

Thời điểm kết thúc nhiệm kỳ

Tuổi tại thời điểm kết thúc nhiệm kỳ

#NUM!

tuổi

#NUM!

tháng

Số tháng nghỉ trước thời điểm kết thúc nhiệm kỳ

#NUM!

tháng

Thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp

Số tháng nghỉ trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp

#NUM!

tháng

Độ tuổi tại thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp

#NUM!

tuổi

#NUM!

tháng

Chênh lệch với độ tuổi nghỉ hưu theo quy định

#NUM!

năm

#NUM!

tháng

Trợ cấp được hưởng:

#NUM!

đồng

Đối tượng có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp

#NUM!

đồng

Đối tượng không có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp

#NUM!

đồng

17 Trợ cấp hưởng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính

Thời điểm kết thúc nhiệm kỳ

9/1/2024

Thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp

9/1/2024

Số tháng nghỉ trước khi hết nhiệm kỳ

Không xét

tháng

Số tháng nghỉ trước khi kết thúc lộ trình sắp xếp

11

tháng

a Trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định của cấp có thẩm quyền

0

đồng

b Sau 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền

0

đồng